

Bản án số: 123/2020/DS – PT

Ngày: 17 - 8 -2020

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLPT - DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1918.

Cư trú: ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị B là ông Dương Văn T, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2020)

Cư trú: ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị

B có trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Hoàng Đ – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long .

- *Bị đơn:*

Ông **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1961.

Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1963.

Cùng cư trú: Ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C có luật sư Phạm Văn H – Văn phòng luật sư Phạm Văn Hồng thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Mười M**, sinh năm 1958.

Cư trú: Ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Cụ Nguyễn Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 9 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị B là ông Dương Văn T trình bày:

Trước đây cụ Nguyễn Thị B và chồng là cụ Dương Ngọc T có tạo lập được 03ha đất có chứng thư cấp quyền sở hữu của chế độ Sài Gòn, vợ chồng cụ có đồng ý cho con riêng của chồng là Dương Thị S một thửa đất khoảng 07 công diện tích này đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng thửa đất số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 3.234,3m² theo chương trình Vlap thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 19 đất tọa lạc tại ấp Quang Bình, xã Quới An cụ không có cho Dương Thị S. Năm 1985 khi bà Soát chết con bà S là Nguyễn Tấn Đ cùng vợ là Huỳnh Thị C chiếm không trả lại nên tranh chấp đến nay chưa được cấp quyền sử dụng.

Khoảng năm 1982 chấp hành chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp gia đình cụ Ba đưa toàn bộ diện tích vào tập đoàn sản xuất làm ăn chia theo công điểm, sau đó khoảng năm 1985 khoán theo nhân khẩu trong hộ, đất của cụ khoán cho tập đoàn viên trong đây khoán cho Nguyễn Tấn Đ 3.200m².

Sau khi rã tập đoàn các hộ nhận khoán trả lại hết cho gia đình cụ, riêng Nguyễn Tấn Đ chỉ trả lại 1.064,7m² chiếm luôn số còn lại cho đến nay nên thừa số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 3.234,3m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong khi thực hiện chương trình kê khai theo Chỉ thị: 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, Dương Thị S là mẹ của Nguyễn Tấn Đ đã kê khai số diện tích vợ chồng cụ đồng ý cho khoảng 07 công và tự ý kê khai luôn cả 3.234,3m² đất khoán cho Nguyễn Tấn Đ mà không cho vợ chồng cụ hay biết.

Đến năm 1991 Nguyễn Tấn Đ đăng ký 2.400m² trong tổng số 3.234,3m² đến chương trình Vlap Nguyễn Tấn Đ và Huỳnh Thị Ch đăng ký hết diện tích 3.234,3m² có cả 1.064,7m² cụ đang sử dụng, cụ không đồng ý nên xảy ra tranh chấp kéo dài từ khi rã tập đoàn đến nay.

Sự việc được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần cụ tự nguyện cho Nguyễn Tấn Đ là cháu ngoại của chồng cụ diện tích 1.556m² nhưng Nguyễn Tấn Đ không đồng ý và đòi lấy hết cả thừa 12, Đ cho rằng đất của mẹ là Dương Thị S đăng ký nên được thừa kế từ đó hòa giải không thành. Từ trước đến nay ngoài 07 công đã cho nêu trên vợ chồng cụ không có cho Dương Thị S thừa đất số 12 đang tranh chấp.

Theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 10/01/2018 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vũng L thể hiện phần đất thuộc thừa 12 tờ bản đồ số 9 có diện tích cụ thể:

- Thừa 12-1 diện tích 1.064,7m² do cụ Nguyễn Thị B đang trực tiếp sử dụng.
- Thừa 12-2 diện tích 621,6m² do Nguyễn Tấn Đ chiếm sử dụng.
- Thừa 12-3 diện tích 1.571,9m² do Nguyễn Tấn Đ chiếm sử dụng.

Tại phiên toà cụ Nguyễn Thị B rút lại yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 2.400m² đất toạ lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Tấn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thực tế đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Ch trả cho cụ thừa 12-2 diện tích 621,6m² đất toạ lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long bằng giá trị theo giá quy định của Nhà nước là 80.000đ/m², cụ đồng ý giao phần đất trên cho ông Nguyễn Tấn Đ toàn quyền sử dụng.

Công nhận thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² đất tọa lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của cụ để cụ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ Nguyễn Thị B thống nhất tự nguyện cho Nguyễn Tấn Đ thửa 12-3 diện tích 1.571,9m² được toàn quyền sử dụng.

* Tại bảng khai ý kiến ngày 27 tháng 10 năm 2017, đơn phản tố ngày 19 tháng 3 năm 2018 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C trình bày:

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng ông trả cho cụ thửa 12-2 diện tích 621,6m² đất tọa lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long bằng giá trị theo giá quy định của Nhà nước, cụ đồng ý giao phần đất trên cho ông toàn quyền sử dụng; công nhận thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² thuộc quyền sử dụng của cụ để cụ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thống nhất tự nguyện cho ông thửa 12-3 diện tích 1.571,9m² được toàn quyền sử dụng thì vợ chồng ông không đồng ý.

Ông Nguyễn Tấn Đức và bà Huỳnh Thị C yêu cầu cụ Nguyễn Thị B, ông Dương Văn Tám và bà Nguyễn Thị Mười M trả lại phần đất cụ Ba đang quản lý sử dụng cho ông bà tại thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² vì nguồn gốc đất này là của mẹ ông là cụ Dương Thị S canh tác từ năm 1972 đến năm 1985 mẹ ông chết anh em đã họp mặt đầy đủ chia cho các anh chị em ông hết 10.000m² đất của mẹ ông để lại. Phần đất thửa 12-1 ông bà canh tác và quản lý sử dụng từ năm 1985 đến nay. Trên phần đất tranh chấp do cụ B quản lý sử dụng vợ chồng ông có trồng 20 cây dừa khoảng 02 năm tuổi.

Theo tư liệu đo đạc thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì phần đất này thuộc thửa số 1 tờ bản đồ số 6 diện tích 10.000m² loại đất lúa do bà Dương Thị S kê khai trong sổ mục kê khai ruộng đất và đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất. Theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 ghi nhận. Theo tra cứu từ cơ sở dữ liệu đất đai ghi nhận phần đất xin xác nhận thuộc thửa số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 2.400m² của ông bà thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 19.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

Quyết định:

Căn cứ vào Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26, 35, 39, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Nguyễn Thị Ba.

[1] Công nhận phần đất tại thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² đất tọa lạc tại ấp Quang Bình, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Nguyễn Thị B.

Vị trí đất:

- Hướng Bắc từ cột mốc số 2 đến cột mốc số 3.
- Hướng Đông từ cột mốc số 3 đến cột mốc số 13.
- Hướng Nam từ cột mốc số 13 đến cột mốc số 12.
- Hướng Tây từ cột mốc số 12 đến cột mốc số 2.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 10/01/2018 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm).

Cụ Nguyễn Thị B thực hiện nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đức, bà Huỳnh Thị c trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa 12-2 diện tích 621,6m² đất tọa lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long bằng tiền là 49.728.000 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của cụ Nguyễn Thị B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 2.400m².

[4] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C yêu cầu cụ Nguyễn Thị B, ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị Mười M trả lại phần đất tại chiết thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² và hỗ trợ cụ B 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

[5] Ông Nguyễn Tấn Đ, bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm di dời cây trồng tại thửa 12-1 trả lại đất cho cụ Nguyễn Thị B quản lý sử dụng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ nộp án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10/3/2020 cụ Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ B. Buộc

phía gia đình ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C trả cho cụ phần đất thửa đất 12-2 diện tích $621,6m^2$ bằng giá trị theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 14/12/2017 là $80.000\text{đồng}/m^2$ tương đương $621,6m^2 \times 80.000\text{đồng} = 49.728.000\text{đồng}$.

Ngày 11/3/2020 ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa đất 12-1, diện tích $1.064,7m^2$ đất tọa lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà.

Ngày 16/3/2020 Viện kiểm sát nhân huyện Vũng L có quyết định kháng nghị số: 90/QĐKNPT- VKS- DS ngày 16/3/2020 kháng nghị về phần tuyên án chưa đầy đủ đảm bảo thi hành án. Phần đất tranh chấp là thửa đất số 12, có diện tích $3.258,2m^2$, gồm 3 tách thửa là 12-1, diện tích $1.064,7m^2$, tách thửa là 12-2, diện tích $621,6m^2$, tách thửa là 12-3, diện tích $1.571,9m^2$. Án sơ thẩm công nhận phần đất tại tách thửa số 12-1 diện tích $1.064,7m^2$ cho cụ B. Phần đất còn lại của thửa đất số 12 án sơ thẩm chưa xác định thuộc quyền sử dụng của ai nên gây khó khăn trong khâu thi hành án.

Tính án phí chưa đúng, Trong vụ án này các bên tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp giá trị thì đương sự phải chịu án phí dân sự thẩm như đối với trường hợp không có giá ngạch là 300.000đồng . Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C nộp án phí $4.258.000\text{đồng}$ là chưa phù hợp. Đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ và bà C là không có cơ sở chấp nhận vì nguồn gốc đất của cụ B và cụ T, sau đó có giao đất cho cụ S quản lý khi vào tập đoàn. Sau khi rã tập đoàn phía ông c không trả lại phần đất trên cho cụ B. Khi ông Đ kê khai có tranh chấp nên đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và trả lại giá trị thửa đất 12-2 cho cụ B. Vì cụ B lớn tuổi và là mẹ Việt Nam anh hùng.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đức và bà C trình bày: Nguồn gốc đất của ông bà, ông T cắt cho bà S từ năm 1972 tới nay,

kéo dài sau giải phóng, nhà nước xác lập quyền sử dụng đất lại bà S là người đăng ký kê khai, sau đó Chương trình đất năm 1991 ông Đ đăng ký có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, quyền sử dụng đất cụ B không có đăng ký từ đầu. Cụ B không có căn cứ đòi lại quyền sử dụng đất vì quá trình đăng ký cụ Ba không có đăng ký, bên ông Đ là người đăng ký, sau đó bên ông T tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận. Thửa đất 12-1 nếu bên cụ B giao trả lại thì bồi dưỡng cho cụ B chứ không phải trả lại giá trị của thửa đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ và bà C

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm. Sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, luật sư, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm ngày 28/02/2020 đến ngày 10/3/2020 cụ Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo, ngày 11/3/2020 ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C có đơn kháng cáo trong hạn luật định có đóng tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của cụ Ba yêu cầu buộc phía gia đình ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C trả phần đất thửa đất 12-2 diện tích 621,6m² bằng giá trị theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 14/12/2017 là 80.000đồng/m² tương đương

$621,6\text{m}^2 \times 80.000\text{đồng} = 49.728.000\text{đồng}$. Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa đất 12-1, diện tích $1.064,7\text{m}^2$ đất tọa lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C và người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị B là ông Dương Văn T đều thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Nguyễn Thị B, cụ Dương Ngọc T. Trong quá trình thu thập chứng cứ cụ Nguyễn Thị B chỉ thừa nhận trước đây cho bà Dương Thị S 07 công đất nhưng bà S tự ý kê khai luôn phần đất tranh chấp, cụ Ba không thống nhất việc kê khai của bà Soát nên khiếu nại và tranh chấp cho đến nay nên thửa đất tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất tranh chấp thì cụ Nguyễn Thị B sử dụng một phần của thửa số 12 với thực tế khảo sát là 12-1 diện tích $1.064,7\text{m}^2$ đất (LUC) từ khi rã tập đoàn sản xuất cho đến nay việc này tại phiên tòa phúc thẩm ông Đức, bà Châm cũng thừa nhận. Do đó, cho thấy cụ Nguyễn Thị B sử dụng thửa 12-1 diện tích $1.064,7\text{m}^2$ ổn định lâu dài cho nên việc đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C yêu cầu cụ Nguyễn Thị B trả lại thửa 12-1 diện tích $1.064,7\text{m}^2$ là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần thửa đất 12-2, diện tích $621,6\text{m}^2$ thì ông Nguyễn Tấn Đức và bà Huỳnh Thị C đã sử dụng từ khi vào tập đoàn sản xuất cho đến nay việc này tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị B là ông Dương Văn T thừa nhận. Như vậy ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C đã sử dụng phần đất nêu trên ổn định, lâu dài nên việc đề nghị của vị trợ giúp viên pháp lý và cụ Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C trả phần thửa đất 12-2 diện tích $621,6\text{m}^2$ bằng giá trị là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ, bà Huỳnh Thị C trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa 12-2 diện tích $621,6\text{m}^2$ nhưng không công

nhận cho ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại tách thửa là 12-2, diện tích 621,6m², tách thửa là 12-3. Về án phí trong vụ án này các bên tranh chấp quyền sử dụng đất, thì đương sự phải chịu án phí dân sự thẩm như đối với trường hợp không có giá ngạch là 300.000đồng. Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C nộp án phí 4.258.000đồng là chưa phù hợp. Xét thấy Viện kiểm sát kháng nghị là phù hợp chấp nhận với phần tách thửa là 12-2, diện tích 621,6m² và án phí dân sự sơ thẩm, còn đối với phần tách thửa là 12-3 diện tích 1.571,9m² là không phù hợp vì các đương sự không yêu cầu, không tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C thừa nhận vào năm 2017 có trồng 20 cây dừa tại thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² nếu không được công nhận phần đất này thì ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C tự di dời dừa khỏi thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² không thống nhất nhận giá trị 20 cây dừa trồng năm 2017 là phù hợp. Do đó, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm di dời 20 cây dừa trồng tại tách thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² đất mà cụ Nguyễn Thị B công nhận quản lý sử dụng.

[3] Từ những nhận định nêu trên không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Tấn Đ và bà Huỳnh Thị C; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long về phần tuyên án phần tách thửa là 12-2, diện tích 621,6m² và án phí sơ thẩm.

[4] Xét thấy kháng nghị và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Sửa án sơ thẩm nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26, 35, 39, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tấn Đ, bà Huỳnh Thị C. Chấp nhận kháng một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B

Công nhận cho cụ Nguyễn Thị B được quyền quản lý sử dụng phần đất tại tách thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² loại đất LUC toạ lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Nguyễn Thị Ba.

Vị trí đất:

- Hướng Bắc từ cột mốc số 2 đến cột mốc số 3.
- Hướng Đông từ cột mốc số 3 đến cột mốc số 13.
- Hướng Nam từ cột mốc số 13 đến cột mốc số 12.
- Hướng Tây từ cột mốc số 12 đến cột mốc số 2.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 10/01/2018 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vũng L).

[2] Không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ, bà Huỳnh Thị C trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa 12-2 diện tích 621,6m² đất toạ lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long bằng tiền là 49.728.000 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Công nhận cho ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C được quyền quản lý sử dụng phần đất tách thửa 12-2, diện tích 621,6m² loại đất LUC toạ lạc tại ấp Quang B, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long, vị trí đất (có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 10/01/2018).

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của cụ Nguyễn Thị B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 12 tờ bản đồ số 9 diện tích 2.400m²

[4] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C yêu cầu cụ Nguyễn Thị B, ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị Mười M trả lại phần đất tại chiết thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² và hỗ trợ cụ Ba 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

[5] Ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C có trách nhiệm di dời 20 cây dừa trồng tại tách thửa 12-1 diện tích 1.064,7m² đất mà cụ Nguyễn Thị B công nhận quản lý sử dụng

Cụ Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[6] Chi phí thẩm định và định giá tổng chi là 4.216.000đ (Bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Nhưng cụ Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng trước là 4.216.000đ (Bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 4.216.000đ (Bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng) các đương sự phải chịu như sau:

Buộc cụ Nguyễn Thị B phải chịu chi phí thẩm định và định giá 2.108.000đ (Hai triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền cụ Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng trước là 4.216.000đ (Bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng)

Buộc tiền ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C phải chịu lệ phí thẩm định, định giá là 2.108.000đ (Hai triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng) để hoàn trả lại cho cụ Nguyễn Thị B.

7. Về Án phí

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho cụ Nguyễn Thị B vì cụ B là người cao tuổi.

Ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.443.200đ (Ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0008731 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng L. Ông Đ bà C được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 3.143.200đ.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008047 ngày 12/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng L cho bà Huỳnh Thị C

Ông Nguyễn Tấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008048 ngày 12/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng L cho ông Nguyễn Tấn Đ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Mới Đặng Văn Lộc

Nguyễn Văn Ngừng